

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc 30

Số: 58 /2007/QĐ-UBND

Đồng Xoài, ngày 21 tháng 11 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành qui định về một số chế độ đối với huấn luyện viên,
vận động viên và chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg ngày 18/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 103/2004/TTLT/BTC-UBTDTT ngày 05/11/2004 của Bộ Tài chính và Ủy ban Thể dục thể thao hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 106/2006/TTLT-BTC-UBTDTT ngày 17/11/2006 của Bộ Tài chính và Ủy ban Thể dục thể thao quy định chế độ chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 34/2007/TTLT-BTC-BLĐTBXH-UBTDTT ngày 09/4/2007 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Ủy ban Thể dục thể thao hướng dẫn thực hiện Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg ngày 18/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thể dục thể thao tại Tờ trình số 273/TTr-STDTT ngày 25/10/2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên và chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao.

Điều 2. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 48/2003/QĐ-UB ngày 15/5/2003 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định về chế độ

thường xuyên đối với vận động viên, huấn luyện viên và lực lượng tham gia phục vụ, thi đấu thể thao các giải toàn quốc và trong tỉnh.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Thể dục thể thao, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TTTU-TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT;
- Ban TGTU, Sở Tư pháp,
Trung tâm Công báo tỉnh;
- Như điều 3;
- LĐVP, CV khối VX;
- Lưu: VT.

Nguyễn Tấn Hưng

QUY ĐỊNH

**Về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên
và chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 58 /2007/QĐ-UBND
ngày 21 / 11 /2007 của UBND tỉnh Bình Phước)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với chế độ tiền công; chế độ dinh dưỡng; chế độ tiền thưởng, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; chế độ bồi thường tai nạn lao động cho các huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh Bình Phước trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu;

2. Quy định này áp dụng đối với chế độ chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao toàn quốc, khu vực, cụm và trong tỉnh được tổ chức tại tỉnh Bình Phước được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định;

3. Đối với cấp huyện, thị xã thực hiện bằng 80% các chế độ tiền công, tiền dinh dưỡng, tiền thưởng và chi tiêu tài chính cho các giải thể thao tương ứng của cấp tỉnh tại Quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Huấn luyện viên, vận động viên được tập trung tập huấn và thi đấu cho tỉnh Bình Phước;

2. Thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, các tiểu ban chuyên môn của đại hội, hội thi, hội thao và từng giải thi đấu thể thao;

3. Trọng tài, giám sát điều hành các giải thi đấu;

4. Công an, y tế, bảo vệ, nhân viên phục vụ tại các điểm thi đấu.

**Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Chế độ tiền công

Trả công bằng tiền cho các huấn luyện viên, vận động viên thể thao theo ngày trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu như sau:

1. Đối với huấn luyện viên, vận động viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước:

a) Huấn luyện viên:

TT	Cấp đội tuyển	Mức tiền công (đồng/người/ngày)
1	Đội tuyển của tỉnh	75.000
2	Đội tuyển trẻ của tỉnh	55.000
3	Đội tuyển năng khiếu của tỉnh	55.000
4	Đội năng khiếu ban đầu	30.000

b) Vận động viên:

TT	Cấp đội tuyển	Mức tiền công (đồng/người/ngày)
1	Đội tuyển của tỉnh	50.000
2	Đội tuyển trẻ của tỉnh	25.000
3	Đội tuyển năng khiếu của tỉnh	15.000

2. Đối với huấn luyện viên, vận động viên hưởng lương từ ngân sách nhà nước:

a) Trong thời gian tập huấn và thi đấu được hưởng nguyên lương tại cơ quan, tổ chức quản lý huấn luyện viên, vận động viên. Trong trường hợp mức tiền lương theo ngày của huấn luyện viên, vận động viên thấp hơn mức tiền công quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy định này, thì được cơ quan sử dụng huấn luyện viên, vận động viên chi trả phần chênh lệch để bảo đảm bằng các mức quy định tương ứng.

b) Trường hợp huấn luyện viên, vận động viên có thời gian thực tế tập huấn và thi đấu cao hơn số ngày làm việc tiêu chuẩn trong tháng (nhiều hơn 22 ngày/tháng) thì cơ quan, tổ chức sử dụng huấn luyện viên, vận động viên trả tiền công bằng mức quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy định này cho số ngày cao hơn ngày làm việc tiêu chuẩn.

3. Đối với huấn luyện viên, vận động viên ngoài tỉnh:

a) Huấn luyện viên:

TT	Cấp đội tuyển	Mức tiền công (đồng/người/ngày)
1	Đội tuyển của tỉnh	100.000
2	Đội tuyển trẻ của tỉnh	75.000

b) Vận động viên:

TT	Cấp đội tuyển	Mức tiền công (đồng/người/ngày)
1	Đội tuyển của tỉnh	70.000
2	Đội tuyển trẻ của tỉnh	50.000

4. Đối với huấn luyện viên nước ngoài không quá 5.000 USD/tháng.

5. Đối với vận động viên nước ngoài không quá 4.000 USD/tháng.

Điều 4. Chế độ dinh dưỡng

Chế độ dinh dưỡng gồm tiền ăn và tiền thuốc bồi dưỡng, được tính bằng tiền cho một ngày tập trung tập huấn và thi đấu của vận động viên, huấn luyện viên. Mức quy định cụ thể như sau:

1. Chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập luyện:

TT	Huấn luyện viên, vận động viên theo cấp đội tuyển	Mức tiền dinh dưỡng (đồng/người/ngày)
1	Đội tuyển của tỉnh	45.000
2	Đội tuyển trẻ của tỉnh	35.000
3	Đội tuyển năng khiếu của tỉnh	25.000

2. Chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung thi đấu:

TT	Huấn luyện viên, vận động viên theo cấp đội tuyển	Mức tiền dinh dưỡng (đồng/người/ngày)
1	Đội tuyển của tỉnh	60.000
2	Đội tuyển trẻ của tỉnh	45.000
3	Đội tuyển năng khiếu của tỉnh	35.000
4	Đội năng khiếu ban đầu	10.000

3. Chế độ dinh dưỡng đối với vận động viên của các môn: xe đạp, thể dục thể hình, điền kinh (bán Marathon, Marathon) trong thời gian tập trung tập luyện là 55.000 đồng/người/ngày và thời gian tập trung thi đấu là 70.000 đồng /người/ngày.

Điều 5. Chế độ tiền thưởng

Quy định mức thưởng bằng tiền đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao như sau:

1. Vận động viên lập thành tích tại các cuộc thi đấu quốc tế mở rộng được hưởng mức thưởng như sau:

Huy chương vàng không quá 5.000.000 đồng; huy chương bạc không quá 3.000.000 đồng; huy chương đồng không quá 2.000.000 đồng.

2. Vận động viên lập thành tích tại các cuộc thi đấu quốc gia dưới đây được hưởng mức thưởng như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Thành tích	Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng	Phá kỷ lục các cuộc thi
	Tên cuộc thi				
1	Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc	5.000.000	3.000.000	2.000.000	Được cộng thêm 2.000.000 đồng
2	Giải vô địch quốc gia				
	Các môn thể thao nhóm I	4.000.000	2.500.000	1.500.000	Được cộng thêm 1.500.000 đồng
	Các môn thể thao nhóm II	2.500.000	1.500.000	1.000.000	Được cộng thêm 1.000.000 đồng
3	Giải thể thao dành cho người khuyết tật và các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng toàn quốc	2.500.000	1.500.000	1.000.000	Được cộng thêm 1.000.000 đồng
4	Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số toàn quốc	2.500.000	1.500.000	1.000.000	Được cộng thêm 1.000.000 đồng
5	Hội thi thể thao từng dân tộc thiểu số toàn quốc	2.000.000	1.200.000	800.000	Được cộng thêm 800.000 đồng
6	Giải vô địch trẻ quốc gia:				
	Dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi	2.500.000	1.500.000	1.000.000	Được cộng thêm 1.000.000 đồng
	Dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	2.000.000	1.200.000	800.000	Được cộng thêm 800.000 đồng
	Dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi	1.500.000	900.000	600.000	Được cộng thêm 600.000 đồng
	Dành cho vận động viên dưới 12 tuổi	1.000.000	600.000	400.000	Được cộng thêm 400.000 đồng
7	Xếp hạng toàn đoàn tại Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc	Hạng nhất 50.000.000	Hạng nhì 30.000.000	Hạng ba 20.000.000	
8	Xếp hạng toàn đoàn tại Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số toàn quốc	Hạng nhất 10.000.000	Hạng nhì 5.000.000	Hạng ba 3.000.000	
9	Xếp hạng toàn đoàn tại các giải thể thao toàn quốc	Hạng nhất 5.000.000	Hạng nhì 3.000.000	Hạng ba 2.000.000	

3. Vận động viên lập thành tích tại các cuộc thi đấu cấp tỉnh dưới đây được hưởng mức thưởng như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Thành tích	Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng	Phả kỷ lục các cuộc thi
	Tên cuộc thi				
1	Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh	600.000	400.000	300.000	Được cộng thêm 300.000 đồng
2	Các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao thành tích cao				
	Các môn thể thao nhóm I	400.000	300.000	200.000	Được cộng thêm 200.000 đồng
	Các môn thể thao nhóm II	300.000	200.000	100.000	Được cộng thêm 100.000 đồng
3	Giải thể thao dành cho người khuyết tật và các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng	300.000	200.000	100.000	Được cộng thêm 100.000 đồng
4	Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số cấp tỉnh	300.000	200.000	100.000	Được cộng thêm 100.000 đồng
5	Các giải thể thao trẻ cấp tỉnh:				
	Dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 21 tuổi	300.000	200.000	100.000	Được cộng thêm 100.000 đồng
	Dành cho vận động viên dưới 16 tuổi	200.000	150.000	100.000	Được cộng thêm 100.000 đồng
6	Xếp hạng toàn đoàn tại Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh	Hạng nhất 5.000.000	Hạng nhì 4.000.000	Hạng ba 3.000.000	
7	Xếp hạng toàn đoàn tại Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số cấp tỉnh	Hạng nhất 4.000.000	Hạng nhì 3.000.000	Hạng ba 2.000.000	
8	Xếp hạng toàn đoàn tại các giải thể thao cấp tỉnh	Hạng nhất 2.000.000	Hạng nhì 1.500.000	Hạng ba 1.000.000	

4. Đối với các môn thể thao có tính thứ hạng mà không có huy chương: Hạng 1,2,3 được tính tương đương theo huy chương vàng, bạc, đồng; từ hạng 4 đến hạng 10, thì mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng của cá nhân đạt huy chương đồng.

5. Đối với các môn thể thao tập thể, mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên tham gia chính thức theo quy định của từng môn nhân với mức thưởng tương ứng của cá nhân.

6. Đối với các môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội, mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên chính thức theo quy định của điều lệ giải nhân với 50% mức thưởng tương ứng của các nhân.

7. Vận động viên được công nhận đẳng cấp quốc tế, quốc gia được hưởng chế độ trong thời gian 12 tháng, như sau:

TT	Đẳng cấp	Mức tiền thưởng (đồng/người/tháng)
1	Kiện tướng Quốc tế	1.000.000
2	Kiện tướng Quốc gia	800.000
3	Dự bị kiện tướng Quốc gia	500.000
4	Cấp I Quốc gia	400.000

8. Chế độ thưởng đối với huấn luyện viên:

a) Đối với thi đấu cá nhân: Những huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các cuộc thi đấu thì mức thưởng chung được tính bằng mức thưởng đối với vận động viên. Tỷ lệ phân chia tiền thưởng được thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được 60%, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được 40%.

b) Đối với thi đấu tập thể: Những huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích thì được thưởng mức thưởng chung bằng số lượng huấn luyện viên theo quy định nhân với mức thưởng tương ứng đối với vận động viên đạt giải.

Số lượng huấn luyện viên của các đội được xét thưởng được quy định theo mức sau:

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 2 đến 5 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên.

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 6 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên.

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 13 vận động viên trở lên: Mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên.

c) Đối với môn thể thao thi đấu đồng đội: Mức thưởng chung cho huấn luyện viên bằng số lượng huấn luyện viên quy định tại điểm b, khoản 8, Điều này nhân với 50% mức thưởng tương ứng.

Điều 6. Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế

Huấn luyện viên, vận động viên có quyết định triệu tập của cơ quan có thẩm quyền được hưởng các quyền lợi về chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, như sau:



1. Đối với huấn luyện viên, vận động viên hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu, cơ quan, tổ chức quản lý huấn luyện viên, vận động viên chịu trách nhiệm trích nộp kinh phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho huấn luyện viên, vận động viên theo quy định hiện hành của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Huấn luyện viên, vận động viên được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo chế độ quy định.

2. Đối với huấn luyện viên, vận động viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước nhưng đang làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm bắt buộc: Trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu, cơ quan, tổ chức sử dụng huấn luyện viên, vận động viên trích chuyển cho cơ quan quản lý huấn luyện viên, vận động viên nguồn kinh phí để nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Huấn luyện viên, vận động viên được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo chế độ quy định. Nguồn kinh phí được trích từ chế độ tiền công của huấn luyện viên, vận động viên.

3. Đối với huấn luyện viên, vận động viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước và không làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm bắt buộc: Trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu, cơ quan, tổ chức sử dụng huấn luyện viên, vận động viên có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho huấn luyện viên, vận động viên. Huấn luyện viên, vận động viên được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo chế độ quy định. Nguồn kinh phí được trích từ chế độ tiền công của huấn luyện viên, vận động viên.

4. Huấn luyện viên, vận động viên không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu nếu bị ốm đau phải nghỉ luyện tập, nghỉ thi đấu; bị tai nạn hoặc chết thì được giải quyết trợ cấp như sau:

a) Trường hợp bị ốm đau hoặc thực hiện các biện pháp kế hoạch hoá gia đình: Được chi trả toàn bộ chi phí khám, chữa bệnh (theo mức viện phí làm căn cứ thanh toán bảo hiểm y tế) và được hưởng trợ cấp ốm đau bằng 75% tiền công hiện hưởng trong những ngày nghỉ ốm hoặc thực hiện các biện pháp kế hoạch hoá gia đình.

b) Trường hợp bị tai nạn lao động:

- Được chi trả toàn bộ chi phí y tế từ khi sơ cứu, cấp cứu (theo mức viện phí làm căn cứ thanh toán bảo hiểm y tế) đến khi điều trị ổn định thương tật và được hưởng trợ cấp bằng 100% tiền công hiện hưởng trong những ngày điều trị.

- Sau khi điều trị ổn định được giám định khả năng lao động, nếu suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên thì được trợ cấp một lần tính theo mức suy giảm

khả năng lao động, cụ thể như sau: suy giảm 5% khả năng lao động thì được hưởng 05 tháng tiền lương tối thiểu chung, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 0,5 tháng tiền lương tối thiểu chung; ngoài ra, còn được nhận khoản trợ cấp một lần tính theo thời gian làm huấn luyện viên, vận động viên tập trung: từ 1 năm (12 tháng) trở xuống thì được hưởng bằng 0,5 tháng tiền công, sau đó cứ thêm mỗi năm được tính thêm 0,3 tháng tiền công.

Trường hợp ốm đau, tai nạn phải nghỉ việc do tự huỷ hoại sức khoẻ, do say rượu hoặc sử dụng chất ma tuý, chất gây nghiện thì không được hưởng trợ cấp theo quy định tại điểm a, b khoản này.

c) Huấn luyện viên, vận động viên khi thôi làm huấn luyện viên, vận động viên được trợ cấp một lần. Cứ mỗi năm (12 tháng) làm huấn luyện viên, vận động viên tập trung (nếu có thời gian ngắt quãng thì được tính cộng dồn), được hưởng 1,5 tháng (26 ngày/tháng) tiền công trước khi thôi việc, nhưng thấp nhất cũng bằng 2 tháng tiền công.

Khi tính cộng dồn thời gian làm huấn luyện viên, vận động viên nếu có tháng lẻ dưới 03 tháng thì không tính, nếu đủ từ 3 tháng trở lên đến đủ 06 tháng được tính là $\frac{1}{2}$ năm, từ trên 06 tháng đến 12 tháng được tính tròn 01 năm.

d) Nếu huấn luyện viên, vận động viên chết thì người lo mai táng được nhận trợ cấp mai táng như mức quy định đối với đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo pháp luật bảo hiểm xã hội.

Trường hợp huấn luyện viên, vận động viên chết do tai nạn lao động trong khi tập huấn, thi đấu hoặc chết trong thời gian điều trị lần đầu do tai nạn trong quá trình tập huấn, thi đấu thì ngoài trợ cấp mai táng, thân nhân được hưởng trợ cấp một lần bằng 36 tháng tiền lương tối thiểu chung.

Điều 7. Chế độ bồi thường tai nạn lao động

1. Ngoài chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế quy định tại Điều 6 của Quy định này, huấn luyện viên, vận động viên bị tai nạn hoặc chết trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu được bồi thường một lần, cụ thể như sau:

a) Bồi thường một lần bằng 30 tháng tiền công và phụ cấp (nếu có) cho huấn luyện viên, vận động viên bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên hoặc cho thân nhân người lao động chết do bị tai nạn mà không do lỗi của huấn luyện viên, vận động viên. Trong trường hợp do lỗi của huấn luyện viên, vận động viên thì được bồi thường bằng 12 tháng tiền công.

b) Bồi thường bằng 1,5 tháng tiền công cho huấn luyện viên, vận động viên bị suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 10%; nếu bị suy giảm khả năng lao động

trên 10% đến dưới 81% thì cứ 1% tăng thêm được bồi thường thêm 0,4 tháng tiền công nếu tai nạn không do lỗi trực tiếp của huấn luyện viên, vận động viên. Trường hợp tai nạn do lỗi trực tiếp của huấn luyện viên, vận động viên thì được bồi thường bằng 40% mức bồi thường tương ứng nêu trên.

2. Khi xảy ra tai nạn trong tập luyện, thi đấu, cơ quan, tổ chức sử dụng huấn luyện viên, vận động viên phải lập biên bản ghi đầy đủ diễn biến của vụ tai nạn, thương tích, mức độ thiệt hại, nguyên nhân, trách nhiệm xảy ra tai nạn; có chữ ký của đại diện cơ quan, tổ chức sử dụng huấn luyện viên, vận động viên, ban tổ chức thi đấu (trong các giải thi đấu) hoặc những người chứng kiến.

Điều 8. Chế độ chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao

1. Nội dung chi:

- Chi ăn, chi tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên;
- Chi tiền tàu xe đi về, tiền thuê chỗ ở cho các đối tượng tại khoản 1,2,3,4 Điều 2 của Quy định này;
- Chi tiền ăn, chi bồi dưỡng làm nhiệm vụ cho thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức, các tiểu ban chuyên môn, trọng tài và giám sát;
- Chi bồi dưỡng cho cán bộ, nhân viên y tế, công an, lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ và nhân viên phục vụ khác;
- Chi thuê địa điểm, tiền điện, nước tại địa điểm thi đấu;
- Chi đi lại, thuê phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị phục vụ công tác tổ chức giải;
- Chi tổ chức lễ khai mạc, trang trí, tuyên truyền, bế mạc, họp ban tổ chức, tập huấn trọng tài, họp báo;
- Chi in vé, giấy mời, biên bản, báo cáo kết quả thi đấu;
- Chi làm huy chương, cờ, cúp, thẻ, giấy chứng nhận;
- Các khoản chi khác có liên quan đến việc tổ chức giải.

2. Mức chi:

2.1 Đối với các giải thi đấu thể thao trong nước:

2.1.1 Chi tiền ăn:

a) Tiền ăn trong quá trình tổ chức giải cho các đối tượng được quy định tại khoản 2,3 Điều 2 của Quy định này: (bao gồm cả thời gian tối đa 2 ngày trước làm công tác chuẩn bị tập huấn trọng tài và 1 ngày sau thi đấu) như sau:

- Đối với các giải thi đấu cấp quốc gia (kể cả chính thức và mở rộng): 45.000đồng/người/ngày;
- Đối với các giải thi đấu cấp khu vực, cụm, tỉnh: 40.000đồng/người/ngày;

b) Đối với các đối tượng thuộc diện hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã được đảm bảo chế độ chi tiền ăn trong thời gian tham dự giải thi đấu thể thao sẽ không được thanh toán phụ cấp tiền ăn theo quy định tại chế độ công tác phí trong thời gian tham dự giải thi đấu thể thao.

2.1.2 Tiền bồi dưỡng làm nhiệm vụ thực tế từng ngày, buổi (hoặc trận đối với các môn bóng đá, bóng chuyền, bóng ném, bóng rổ, bóng nước, cầu mây, quần vợt):

Tiền bồi dưỡng làm nhiệm vụ thực tế được tính theo ngày làm việc, hoặc theo buổi thi đấu, trận đấu. Đối với các đối tượng mà tiền bồi dưỡng không tính được theo ngày làm việc mà tính theo buổi thi đấu, hoặc trận đấu, thì mức thanh toán tiền bồi dưỡng được tính theo thực tế, nhưng tối đa không được vượt quá 2 buổi hoặc 2 trận đấu/người/ngày (trường hợp đặc biệt nếu vượt quá mức trên, Ban tổ chức giải phải trình cấp có thẩm quyền quyết định trong phạm vi dự toán đã được phê duyệt). Các giải thi đấu bóng đá thuộc hệ thống thi đấu giải thi đấu của Liên đoàn Bóng đá Việt Nam không áp dụng theo Quy định này.

a) Đối với các giải thi đấu cấp quốc gia (kể cả chính thức và mở rộng):

- Trưởng, phó Ban chỉ đạo, Ban tổ chức; Trưởng, phó các tiểu ban chuyên môn; thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức: 80.000 đồng/người/ngày.
- Thành viên các tiểu ban chuyên môn: 60.000 đồng/người/ngày.
- Giám sát, trọng tài chính: 50.000 đồng/người/buổi.
- Thư ký, trọng tài khác: 40.000 đồng/người/buổi.
- Bộ phận y tế: 30.000 đồng/người/buổi.
- Lực lượng cảnh sát giao thông, mô tô làm nhiệm vụ dẫn đường theo yêu cầu riêng của từng giải thi đấu thể thao; lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ, nhân viên phục vụ: 25.000 đồng/người/buổi.

b) Đối với các giải thi đấu cấp khu vực, cụm, tỉnh:

- Trưởng, phó ban chỉ đạo, ban tổ chức; trưởng, phó các tiểu ban chuyên môn; thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức: 50.000 đồng/người/ngày.

- Thành viên các tiểu ban chuyên môn: 40.000 đồng/người/ngày.

- Giám sát, trọng tài chính: 40.000 đồng/người/buổi.

- Thư ký, trọng tài khác: 30.000 đồng/người/buổi.

- Bộ phận y tế: 25.000 đồng/người/buổi.

- Lực lượng cảnh sát giao thông, mô tô làm nhiệm vụ dẫn đường theo yêu cầu riêng của từng giải thi đấu thể thao; lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ, nhân viên phục vụ: 20.000 đồng/người/buổi.

c) Đối với các giải bóng đá thi đấu cấp khu vực, cụm, tỉnh:

- Bóng đá 11 người:

+ Trọng tài chính: 100.000 đồng/người/trận

+ Giám sát, trợ lý, trọng tài thứ 4: 80.000 đồng/người/trận

+ Trọng tài khác: 60.000 đồng/người/trận.

- Bóng đá 7 người:

+ Trọng tài chính: 60.000 đồng/người/trận

+ Giám sát, trợ lý, trọng tài thứ 4: 50.000 đồng/người/trận

+ Trọng tài khác: 40.000 đồng/người/trận.

- Bóng đá 5 người:

+ Trọng tài chính: 40.000 đồng/người/trận

+ Giám sát, trọng tài khác: 30.000 đồng/người/trận.

2.1.3. Mức chi tổ chức đồng diễn, điều hành đối với các Đại hội thể dục thể thao, Hội thi thể thao cấp tỉnh như sau:

a) Chi sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn: Thanh toán theo hợp đồng kinh tế giữa Ban tổ chức với các tổ chức hoặc cá nhân, mức chi căn cứ Nghị định số 61/2002/NĐ-CP ngày 11/6/2002 của Chính phủ về việc quy định chế độ nhuận bút và Thông tư liên tịch số 21/2003/TTLT-BVHTT-BTC ngày 01/7/2003 giữa Bộ Văn hoá Thông tin và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chi trả chế độ nhuận bút, trích lập và sử dụng quỹ nhuận bút cho một số tác phẩm được quy định tại Nghị định số 61/2002/NĐ-CP ngày 11/6/2002 của Chính phủ.

b) Bồi dưỡng đối tượng tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ, dẫn chương trình:

- Người tập:

- + Tập luyện: 10.000 đồng/người/buổi;
- + Tổng duyệt (tối đa 2 buổi): 20.000 đồng/người/buổi;
- + Chính thức: 30.000 đồng/ người/buổi.

- Giáo viên quản lý, hướng dẫn:

- + Tập luyện: 20.000 đồng/người/buổi;
- + Tổng duyệt (tối đa 2 buổi): 30.000 đồng/người/buổi;
- + Chính thức: 40.000 đồng/ người/buổi.

- Dẫn chương trình:

- + Tập luyện: 30.000 đồng/người/buổi;
- + Tổng duyệt (tối đa 2 buổi): 40.000 đồng/người/buổi;
- + Chính thức: 50.000 đồng/ người/buổi.

2.2. Đối với các giải thi đấu thể thao quốc tế chính thức được tổ chức tại tỉnh Bình Phước được áp dụng theo Thông tư số 106/2007/TTLT-BTC-UBTDTT ngày 17/11/2006 của Bộ Tài chính và Ủy ban thể dục thể thao về quy định chế độ chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao.

3. Các khoản chi khác:

- Tiền tàu xe đi về, tiền thuê chỗ ở cho các đối tượng nêu tại Điều 2 của Quy định này thực hiện theo Thông tư số 118/2004/TT-BTC ngày 8/12/2004 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trong cả nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

- Các khoản chi cho in ấn, huy chương, cờ, cúp, thẻ, giấy chứng nhận, trang phục, đạo cụ, khai mạc, bế mạc: Tuỳ theo quy mô, tính chất giải để chi phù hợp với nguồn thu và nguồn kinh phí được ngân sách nhà nước cấp. Đồng thời, căn cứ theo chế độ hiện hành, hoá đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện.

- Trường hợp một người được phân công nhiều nhiệm vụ khác nhau trong quá trình điều hành tổ chức giải thi đấu thể thao chỉ được hưởng một mức bồi dưỡng cao nhất.

- Các khoản chi khác không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo các quy định chi tiêu tài chính hiện hành.

Điều 9. Nguồn kinh phí

1. Kinh phí chi trả cho các chế độ quy định tại Quy định này được đảm bảo từ các nguồn:

- Nguồn ngân sách nhà nước của tỉnh bố trí trong dự toán kinh phí sự nghiệp hằng năm theo từng cấp quản lý;

- Nguồn thu khác (bán vé xem thi đấu, dịch vụ, tài trợ, quảng cáo, bán bản quyền phát thanh, truyền hình . . .)

2. Sau khi kết thúc giải 15 ngày, Ban tổ chức giải thi đấu thể thao có trách nhiệm tập hợp chứng từ thu chi và quyết toán kinh phí theo đúng các quy định về chế độ quản lý tài chính hiện hành.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10.

1. Sở Thể dục thể thao có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã tổ chức thực hiện.

2. Mức chi một số chế độ cho huấn luyện viên, vận động viên và chế độ chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao tại Quy định này là mức tối đa. Căn cứ vào nguồn ngân sách được phân bổ hằng năm và nguồn thu khác, chủ tài khoản tự điều tiết.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy định này do Giám đốc Sở Thể dục thể thao đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tấn Hưng